

Bản án số: 297/2026/HS-PT

Ngày: 11-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Đoàn Thị Hương Giang.

2/ Bà Lê Thị Thương Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 235/2026/HS-ST ngày 27/3/2026 đối với các bị cáo Phan Minh C và Nguyễn Phúc D, do có kháng cáo của các bị cáo Phan Minh C và Nguyễn Phúc D đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2026/HS-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Minh C; giới tính: Nam; sinh năm 1986, tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Căn hộ E-6.07 chung cư T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: thợ điện; con ông Phan Thành L, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958; bị cáo có vợ tên Trần Thị Hồng L2, sinh năm 1987 và có 02 người con (con lớn, sinh năm 2013 và con nhỏ, sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/6/2019 đến ngày 26/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa);

Người bào chữa bị cáo Phan Minh C: Ông Trần Tây S, Luật sư thuộc Công ty L3, Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa);

2. Nguyễn Phúc D; giới tính: Nam; sinh năm 1996, tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); hộ khẩu thường trú: 136 ấp S, phường A, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay: Căn hộ 11-09B Block B, chung cư L, địa chỉ số A M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1973 và bà Đoàn Thị Trúc M, sinh năm 1973; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị D1, sinh năm 1997 và có 01 người con, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/3/2024 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/12/2018, Đ1 - Công an quận T kết hợp với Công an phường T, quận T tuần tra đến trước nhà số A T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là 01 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì phát hiện Nguyễn Phúc D đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 93P1-883.93 phía sau chở Huỳnh Thị D1 (hiện nay là vợ bị cáo) có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra phát hiện điện thoại di động D sử dụng có dữ liệu liên quan đến việc làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức đồng thời trong cốp xe của D có: 01 Giấy phép lái xe hạng A1, B2 số 790153111603 mang tên Trần Văn H; 01 Giấy phép lái xe hạng E số 830179007956 mang tên Nguyễn Xuân K; 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 790175022674 mang tên Ngô Minh T1; 01 Căn cước công dân số 079073018106 mang tên Ngô Minh T1; 01 bìa túi “dịch vụ chuyển phát nhanh EMS” màu cam trắng bên trong có 01 bản gốc bằng tốt nghiệp Cao Đẳng trường Cao Đẳng kinh tế - Công nghệ Thành phố H mang tên Đỗ Tất Đ, số hiệu A690142 cùng 03 bản sao và 01 bản gốc bằng tốt nghiệp Cao Đẳng kinh tế Công nghệ - Thành phố H mang tên Đỗ Tất Đ cùng 03 bản sao nên lập biên bản tạm giữ và mời D về trụ sở Công an phường làm việc.

Qua làm việc Nguyễn Phúc D khai nhận: Khi D điều khiển xe chở vợ đến trước địa chỉ số A T để gặp một người lái xe ô tô (Không rõ nhân thân, lai lịch) do một người khách nam trên mạng xã hội có tài khoản Zalo tên “Thắng T2 Lọt Mương” (Không rõ nhân thân, lai lịch) thuê giao cho D 01 bìa túi “dịch vụ chuyển phát nhanh EMS”. Khi D vừa nhận túi tài liệu, người lái xe ô tô chạy đi thì Đ1 - Công an quận T kiểm tra hành chính Danh.

Đối với 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 và 01 Căn cước công dân tên Ngô Minh T1 là do D đặt Phan Minh C làm giả. Do đầu tháng 12/2018, D quen biết C qua mạng xã hội Zalo, tài khoản của C tên “N”. C nói có khả năng làm giả Giấy phép lái xe mô tô hai bánh, ô tô và Căn cước công dân với giá 200.000 đồng/01 Giấy phép lái xe mô tô hai bánh, 500.000 đồng/01 Giấy phép lái xe ô tô, 400.000 đồng/01 Căn cước công dân nên D mới đặt C làm giả 02 giấy tờ như trên để xem C làm giả có giống với các giấy tờ thật không thì mới tìm khách trên mạng xã hội.

D đã trả tiền đặt làm 02 giấy tờ giả trên cho C là 900.000 đồng. D không sử dụng 02 giấy tờ làm giả này nhưng chưa kịp vứt bỏ thì bị cơ quan Công an kiểm tra, thu giữ.

Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1, B2 tên Trần Văn H và 01 Giấy phép lái xe hạng E tên Nguyễn Xuân K là do những người khách trên mạng xã hội Facebook nhắn tin qua tài khoản mạng xã hội Facebook của D tên “Lê H1” đặt D làm giả. D báo giá 700.000 đồng/01 Giấy phép lái xe ô tô, dự định hưởng lợi 200.000 đồng/1 Giấy phép lái xe ô tô. 02 người khách chỉ gửi hình cho D, không gửi thông tin nhân thân, lai lịch, D gửi hình qua cho C, còn lại thông tin người, địa chỉ trên các giấy tờ làm giả là do C tự đưa ra. D chưa kịp giao cho 02 người khách thì bị bắt nên chưa thu tiền của khách, chưa trả tiền cho C, chưa hưởng lợi.

Đối với 01 bìa túi “dịch vụ chuyển phát nhanh EMS” bên trong có 01 bằng tốt nghiệp trường Cao Đẳng K - Công nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Đỗ Tất Đ cùng 03 bản sao và 01 bằng điểm trường Cao Đẳng K - Công nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Đỗ Tất Đ cùng 03 bản sao là của người khách trên mạng xã hội Zalo có tài khoản tên “Thắng Té Lọt M1” thuê lái xe ôm gửi cho D vào ngày 23/12/2018 nhưng không nói là bằng tốt nghiệp, bằng điểm, bản sao làm giả, chỉ nói D hỏi xem có ai làm giả được giống bằng tốt nghiệp, bằng điểm, bản sao này không nên D nghĩ đây là giấy tờ thật làm mẫu để làm giả cho giống. Danh dự tính đưa cho C để C tự nghiên cứu cách làm giả các loại bằng tốt nghiệp, bằng điểm, bản sao giống vậy. D chưa kịp giao cho C thì bị Công an kiểm tra, thu giữ. Số giấy tờ giả này không phải do C hay D làm giả. Khi bị Công an kiểm tra, thu giữ, thông báo thì D mới biết đây là bằng tốt nghiệp, bằng điểm, bản sao làm giả.

D sử dụng mạng xã hội Facebook tên “Lê Hoàng” để liên lạc tìm khách cần đặt làm giả Giấy phép lái xe, Căn cước công dân. Khi có khách đặt làm giả giấy tờ thì D sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo tên “Lê H1” liên lạc tài khoản Zalo tên “Nghĩa” của C để đặt C làm giả giấy tờ theo yêu cầu của khách đặt. Số tiền D trả cho C là căn cước công dân bán với giá 400.000 đồng/1 Căn cước công dân; Giấy phép lái xe mô tô hai bánh bán với giá 200.000 đồng/1 Giấy phép lái xe; Giấy phép lái xe ô tô với giá 500.000 đồng/1 Giấy phép lái xe. D báo lại khách đặt làm giả tăng thêm, hưởng chênh lệch số tiền 200.000 đồng mỗi giấy tờ. D và C chỉ nhận làm giả Giấy phép lái xe mô tô hai bánh, ô tô, Căn cước công dân và cả hai thống nhất như sau: Khách đặt làm giả Giấy phép lái xe, Căn cước công dân sẽ gửi hình chân dung cho D, D gửi hình chân dung đó cho C, C sẽ tự làm giả giấy tờ với thông tin nhân thân lai lịch, địa chỉ do C tự đưa ra; Khi liên lạc, trao đổi giao dịch thì sử dụng các tài khoản ảo trên mạng xã hội Facebook, Z với thông tin giả; Hẹn gặp mặt giao, nhận các loại giấy tờ giả tại ngoài đường, thường không cố định một chỗ mà thay đổi chỗ mỗi lần, có khi D trực tiếp đi giao hoặc thuê xe ôm ngoài đường (Không nhớ tên, không biết nhân thân, lai lịch) giao, nhận dùm, đưa tiền mặt. Sau đó thì xóa hết các thông tin giao dịch giấy tờ giả, mục đích là tránh Công an kiểm tra, phát hiện. D không biết tên, nhân thân, lai lịch, chưa từng gặp mặt các khách đặt làm giả. D chỉ biết, nhận dạng được C do thường gặp C.

Do D đã bị mất các số điện thoại đăng ký tài khoản Facebook và Z tên “Lê Hoàng” của D đã bị khóa, xóa tài khoản nên D không còn lưu giữ thông tin giao dịch làm giấy tờ giả trước đó.

D chỉ đặt C làm giả giấy tờ từ đầu tháng 12/2018 đến ngày 23/12/2018 thì bị kiểm tra, phát hiện với tổng cộng 08 lần đặt C làm giả với số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng, tổng số tiền D trả cho C khi đặt làm các giấy tờ giả trên là 3.200.000 đồng, cụ thể:

+ Lần thứ nhất, thứ hai vào đầu tháng 12/2018 (Không nhớ ngày): D đặt C làm giả giấy phép lái xe, căn cước công dân đều tên Ngô Minh T1 với hình chân dung của D để thử xem C làm giả giống không. Số giấy tờ giả này D không sử dụng, tính vứt bỏ nhưng D bỏ trong ví quên vứt bỏ, đã bị Công an thu giữ. D đã trả cho C 900.000 đồng, không thu lợi ích gì việc đặt làm giả này.

+ 04 lần đặt tiếp theo thì có 03 lần do người thanh niên có tài khoản Zalo tên “T3 Té Lọt Mương” (Không rõ nhân thân, lai lịch) đặt D 02 Giấy phép lái xe mô tô hai bánh, 01 Giấy phép lái xe ô tô. Còn lại 01 lần do 01 khách nam đặt 01 Căn cước công dân nhưng D không còn lưu, nhớ thông tin cụ thể. Tổng số tiền D trả cho C làm giả 04 loại giấy tờ là 1.300.000 đồng. D thu lợi mỗi lần khách đặt một loại giấy tờ làm giả 200.000 đồng nhưng khách cho D thêm tiền công đi giao giấy tờ giả là 200.000 đồng, thu lợi 1.000.000 đồng.

+ Lần thứ 7, thứ 8 là 02 người khách nam trên mạng xã hội Facebook (Không rõ nhân thân, lai lịch) đặt giấy phép lái xe ô tô tên Trần Văn H, Nguyễn Xuân K1 với hình chân dung do 02 người khách đó cung cấp, còn thông tin họ tên, năm sinh, địa chỉ là do C tự đưa vào. D chưa kịp giao giấy tờ giả cho 02 người khách thì bị công an kiểm tra thu giữ nên chưa thu tiền của khách. D đã trả tiền mặt cho C tiền làm giả 02 giấy phép lái xe ô tô trên là 1.000.000 đồng.

Mở rộng điều tra vụ án, khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/12/2018, Công an quận T phối hợp với Công an phường T, quận B tiến hành kiểm tra hành chính Phan Minh C khi C đang dừng xe mô tô hiệu Grande biển số 62N1-333.36 trước nhà số A Tỉnh Lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là 1255 Tỉnh Lộ 10, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình kiểm tra phát hiện trong túi áo khoác màu đen bên phải C đang mặc có 01 Giấy phép lái xe hạng A2 số 791181054817 mang tên Dương Minh T4 và 01 Giấy phép lái xe hạng C số 010179126858 mang tên Phạm Văn T5. Qua làm việc, C thừa nhận 02 Giấy phép lái xe trên là giả và đang trên đường đi tiêu thụ thì bị kiểm tra phát hiện nên tổ tuần tra tiến hành lập biên bản tạm giữ và mời C về trụ sở Công an làm rõ.

Ngày 24/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của C tại căn hộ E chung cư T địa chỉ D N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là căn hộ E 6.07, chung cư T địa chỉ D N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và thu giữ được đầy đủ các loại máy móc, công cụ phục vụ cho việc làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận B để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận B, bị cáo Phan Minh C khai: Vào khoảng năm 2017, C lên mạng xã hội Facebook để tìm người làm giả Giấy khám sức khỏe cho một người bạn làm chung công trình xây dựng ở quận T (Do đã lâu không nhớ tên, số điện thoại, không biết nhân thân, lai lịch, nơi ở) thì liên hệ được một tài khoản mạng xã hội có nickname là “BAV” (không rõ nhân thân, lai lịch). C liên lạc với người này để đặt làm 01 tờ giấy khám sức khỏe giả với giá 150.000 đồng. Sau đó C và BAV vẫn liên lạc qua lại với nhau làm quen. Đến khoảng tháng 06/2018 thì “BAV” nói do dọn nhà trọ về quê có việc nên nhờ C cất giữ dùm con dấu, phôi giấy phép lái xe, phôi căn cước công dân, thẻ nhựa trắng, phôi bằng tốt nghiệp, bản khắc kẽm, công cụ, đồ vật thì C đồng ý. Đến đầu tháng 12/2018, C hỏi “BAV” chỉ cách làm giả giấy tờ thì “BAV” đồng ý. “BAV” đến nhà C chỉ C cách làm giả Căn cước công dân, Giấy phép lái xe mô tô hai bánh, ô tô và nói lấy các mẫu Căn cước công dân tên Nguyễn Tuấn A, Giấy phép lái xe tên: Phan Văn T6, Trương Văn H2, Trần Hữu B, Ngụy Đình N1, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Văn N2, bằng tốt nghiệp cao đẳng số A1470698 tên Nguyễn Thị Hồng T7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Văn T8 để làm giả cho giống (các tài liệu do “BAV” đã gửi trước đó cho C cất giữ dùm). Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe, bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất C chưa làm được do “BAV” chưa chỉ hết cách thức làm giả thì đã xóa tài khoản, mất liên lạc, C có tìm cách thử làm giả nhưng không được nên C không nhận làm giấy chứng nhận đăng ký xe, bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi được “BAV” chỉ cách làm giấy tờ giả, C sử dụng các máy móc, công cụ do “BAV” gửi cho C để thực hành làm thử các giấy tờ giả Căn cước công dân và Giấy phép lái xe mô tô, ô tô đạt yêu cầu. Sau khi làm thành thạo, C bắt đầu nhận làm giả Căn cước công dân và Giấy phép lái xe mô tô, ô tô cho khách hàng. Để thực hiện hành vi trên, C tạo ra nick zalo tên “N” rồi quảng cáo trên các mạng xã hội về việc làm giấy tờ giả với giá: 01 Căn cước công dân làm giả là 400.000 đồng, 01 Giấy phép lái xe mô tô hai bánh (Hạng A) làm giả là 200.000 đồng, 01 Giấy phép lái xe ô tô (Hạng B, C, D, E) làm giả là 500.000 đồng. C trực tiếp đi giao giấy giả hoặc thuê lái xe ôm ngoài đường (Không biết tên, nhân thân, lai lịch, nơi ở) đi giao tại ngoài đường (Không cố định địa điểm), chỉ liên lạc hẹn thời gian, địa điểm giao dịch trước qua tài khoản Zalo, không biết số điện thoại nhau và lấy tiền mặt, không sử dụng tài khoản ngân hàng. C đã làm giả Căn cước công dân, Giấy phép lái xe mô tô hai bánh, ô tô cho những người khách trên mạng xã hội có tài khoản tên “A”, “Phạm Hùng C1”, “Lê H1” và một số tài khoản khác không nhớ tên. C chỉ biết tài khoản tên “Lê H1” là của Nguyễn Phúc D, do D bị bắt chung với C, còn lại C không biết tên, nhân thân, lai lịch, nơi ở, số điện thoại. C đã làm giả 02 Giấy phép lái xe ô tô, 01 Giấy phép lái xe mô tô hai bánh, 01 Căn cước công dân cho D (các giấy tờ giả đã bị Công an thu giữ). Ngoài ra C còn làm giả 04 giấy tờ khác cho bị cáo D gồm: 02 Giấy phép lái xe mô tô hai bánh, 01 Giấy phép lái xe ô tô, 01 Căn cước công dân (04 giấy tờ làm giả này thông tin không còn lưu, đã mất hết. Các giấy tờ này Danh D đã giao cho khách trên mạng

xã hội đã lâu nên Cơ quan Công an không thu giữ được). Tổng số tiền mặt mà D đã giao cho C khi làm giấy tờ giả là 3.200.000 đồng. C không giao dùm các loại giấy tờ giả cho “BAV” cũng như không giao bằng tốt nghiệp, bản điểm cùng các bản sao tên Đỗ Tất Đ cho D. C khai D liên hệ trực tiếp với C chứ không thông qua người khác khi làm giả giấy tờ, tài liệu.

Cách thức làm giả Căn cước công dân và Giấy phép lái xe mô tô, ô tô được C làm sẵn trên máy tính của BAV. Cách thức làm giả Căn cước công dân và Giấy phép lái xe mô tô, ô tô được C thực hiện như sau: Mở file mẫu trên máy tính (có sẵn trên máy tính của BAV) rồi đánh thông tin của khách hàng như: Họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, địa chỉ thường trú sau đó cho Căn cước công dân hoặc bằng lái xe mô tô, ô tô (Loại thẻ pet) vào máy in in ra. Sau khi in xong, C đối chiếu với Căn cước công dân hoặc Giấy phép lái xe mô tô, ô tô mẫu (đã được BAV làm sẵn) xem màu sắc của giấy tờ giả vừa in có tương đồng với thẻ mẫu hay không, nếu đã tương đồng và chữ rõ thì dán tem phản quang vào xem như đã hoàn thành 01 loại giấy tờ giả. Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc bán giấy tờ giả là 9.200.000 đồng.

***Vật chứng thu giữ, tạm giữ của vụ án:**

- Tạm giữ của Nguyễn Phúc D khi kiểm tra hành chính:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 93P1-883.93. D khai xe trên do D lên mạng xã hội Facebook mua của một người (D không nhớ tên, không rõ nhân thân, lai lịch người này) với giá 7.500.000 đồng. Qua xác minh xe trên do chị Hoàng Thị Lệ H3 đứng tên chủ sở hữu. Chị H3 khai khoảng cuối tháng 5/2016 chị bị mất trộm xe trên tại một công trình xây dựng nhà ở thuộc phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (do đã lâu nên không nhớ rõ địa chỉ cụ thể) nhưng không đến Công an phường T trình báo sự việc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận B đã ban hành Công văn thông báo và chuyển xe trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để xử lý theo quy định.

+ 01 Giấy phép lái xe hạng A1, B2 số 790153111603 mang tên Trần Văn H; 01 Giấy phép lái xe hạng E số 830179007956 mang tên Nguyễn Xuân K; 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 790175022674 mang tên Ngô Minh T1; 01 Căn cước công dân số 079073018106 mang tên Ngô Minh T1.

+ 01 bìa túi “dịch vụ chuyên phát nhanh EMS” màu cam trắng bên trong có 01 bản gốc bằng tốt nghiệp Cao Đẳng trường Cao Đẳng kinh tế - Công nghệ Thành phố H mang tên Đỗ Tất Đ, số hiệu A690142 cùng 03 bản sao và 01 bảng điểm gốc trường Cao Đẳng kinh tế Công nghệ - Thành phố H mang tên Đỗ Tất Đ cùng 03 bản sao.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu S2 S7 eclge verizon màu đen. Nguyễn Phúc D khai dùng hai điện thoại trên để sử dụng mua bán giấy tờ giả.

- Tạm giữ của Phan Minh C khi kiểm tra hành chính:

+ 01 Giấy phép lái xe số 790174369732, 01 Giấy phép lái xe số V378843, 01 Giấy chứng minh nhân dân số 301199675 mang tên Phan Minh C và 01 Giấy đăng ký xe số 007353 mang tên Trần Thị Hồng L2. C khai: Giấy chứng minh nhân dân và 02 Giấy phép lái xe mang tên C là do Cơ quan Nhà nước cấp. Giấy đăng ký xe do vợ C (Trần Thị Hồng L2) đứng tên. Qua giám định các giấy tờ trên là thật nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho C, L2 các giấy tờ trên.

+ 01 Giấy phép lái xe hạng C số 010179126858 mang tên Phạm Văn T5 và 01 Giấy phép lái xe hạng A2 số 791181054817 mang tên Dương Minh T4 là Giấy phép lái xe giả mà bị cáo Phan Minh C chuẩn bị đi giao cho khách nam đặt trên mạng xã hội Z (Không nhớ tên tài khoản, đã xóa, mất dữ liệu không còn lưu).

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nozza biển số 62N1-333.36. Qua xác minh xe trên do Trần Thị Hồng L2 (vợ của bị cáo Phan Minh C) đứng tên chủ sở hữu. L2 khai xe trên là tài sản riêng của L2 do L2 bỏ tiền ra mua và đứng tên trên Giấy đăng ký xe và việc C sử dụng xe trên để làm phương tiện phạm tội L2 hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe trên cho L2.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen có số seri: 353407094589124. Bị cáo Phan Minh C khai điện thoại trên để sử dụng cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng có số Imei: 352029061952068. Bị cáo Phan Minh C khai do BAV gửi tại nhà C cùng các tài liệu, giấy tờ đã thu giữ.

+ 01 thẻ ngân hàng S3. Bị cáo Phan Minh C khai thẻ ngân hàng trên nằm trong số công cụ, phương tiện mà BAV chuyển gửi tại nhà C; 01 thẻ ngân hàng Đ và 01 thẻ ngân hàng HSBC mang tên Phan Minh C. C khai làm tại ngân hàng để sử dụng cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tạm giữ của Phan Minh C khi khám xét khẩn cấp chỗ ở:

+ 01 máy in màu EPSON STYLUS 1400 model: B321B; 01 máy SCANNER hiệu Canon màu đen Lide 110 K10352; 01 CPU hiệu ACER màu đen model P/N: S6801204503E.

+ 01 ổ cứng hiệu HITACHI Deskstar, model: HDS728040PLAT20; 01 ổ cứng hiệu Seagate Date Code 10303; 01 máy in hiệu Canon L11121E; 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy TADA; 01 máy tính xách tay hiệu DELL màu đen, SERVICE TAG (S/N) 5FFGJC. Bị cáo Phan Minh C khai các tài sản trên C mua đã lâu, không còn phiếu mua hàng và không liên quan đến vụ án.

+ 01 bàn phím máy tính hiệu Gerius màu đen KB110; MN 10COC186; 01 bàn phím máy tính hiệu Motospeed màu đỏ, M/N: K40; 01 màn hình máy tính màu đen hiệu S2; 01 chuột máy tính màu đen hiệu DELUX; 01 chuột máy tính không dây màu đỏ đen hiệu ENSOHO; 01 máy ép dẻo LAMINATOR màu trắng; 01 máy ép nhựa hiệu TEXETLMA-V, Machine No: 2017-10-000216; 01 máy chụp đèn tự chế bằng hộp nhôm chức năng chụp phim con dấu; 01 máy in thẻ nhựa hiệu hiti, model name: CS-200e, S/N: C2E00073700033.

+ 01 cây búa dài khoảng 22cm, cán nhựa màu đen, đầu búa bằng kim loại; 01 cây búa dài khoảng 25cm, cán bằng gỗ, đầu búa hình trụ bằng nhựa màu đen; 01 thước kẻ bằng kim loại, một mặt dài 60cm, một mặt dài 24inch; 01 chai keo COLOP MARIUNG SOLUTION 1kg, made in GB 9004362481508.

+ 01 máy đóng số hiệu GENMES208M; 01 máy đóng số hiệu Shiny; 01 hộp đóng dấu tên hiệu COLOP Pnister C30; 01 hộp đóng dấu tròn hiệu Trodat Pnisty 4924; 01 hộp đóng dấu tên màu xanh hiệu Dstamp Pninter T-L; 01 hộp mực bằng nhựa, bên trong là chất liệu mút để đóng dấu tròn; 01 cần đóng dấu, cán bằng nhựa vàng, phần đóng dấu bằng nhựa 3,4x7cm; 01 cần đóng dấu, cán bằng nhựa màu vàng, phần đóng dấu bằng nhựa bản 5x9cm; 01 cục kim loại hình tròn, đường kính 4,8cm, một mặt lõm ở giữa hình tròn đường kính 3,6cm. Mặt không bị lõm đề lên con dấu tròn bằng keo AB và dùng búa để đập mạnh lên bằng, chứng chỉ; 01 hộp mực ngoài bằng kim loại hiệu Horse ASTM D-4236, trong chất liệu bằng vải màu đen; 01 hộp mực ngoài bằng kim loại hiệu Horse ASTM D-4236, trong chất liệu bằng vải màu đỏ; 01 tấm kính bản 17,5x21,5cm; 01 tấm kính bản 15,7x21cm; 210 bản phôi Giấy phép lái xe bằng nhựa cứng; 13 bản phôi Căn cước công dân bằng nhựa cứng; 175 thẻ nhựa màu trắng và 140 tem phản quang; 30 bản phôi bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp; 01 sổ ghi chép bìa màu đen trên có chữ G.

+ 40.000.000 đồng tiền Ngân hàng N3. Trần Thị Hồng L2 (vợ của bị cáo C) khai số tiền trên là tiền của cá nhân L2 để trong két sắt, là số tiền để dành của L2, không phải là tiền của C hay tiền chung của hai vợ chồng và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho chị L2.

+ 300 dấu tròn có ghi tên các cơ quan, tổ chức bằng nhựa dẻo; 350 dấu tên các loại bằng nhựa dẻo; 01 bản khắc kẽm có in hình quốc huy nước C2; 01 bản khắc kẽm ghi chữ Đại học, 01 bản khắc kẽm ghi chữ Cao Đẳng.

+ 28 dấu tròn bằng nhựa cứng gồm: Trường Đại học P1; Đại học quốc gia Thành phố H; Trường Đại học T10; Trường T11; Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Thành phố H; Cục Q; Trường T12; Công ty Cổ phần H5, Trường Đại học P2; Trường Cao Đẳng nghề tỉnh B; Trường C3; Đại học Đ2; V và bồi dưỡng cán bộ Hà Nội – Chi nhánh công ty cổ phần Đ3; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên K3; Royal Melbourne Tinstutute of T13; Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Thành phố H; Trường T14; Trường Đại học K4; Trường Đại học C4; Trường K5; Trường Đại học F; Trường Đại học T14; Trường cao đẳng N; Bộ T15; Sở G1; Sở G1; Trường Cao đẳng D2; Bộ G2.

+ 01 Căn cước công dân số 001075009082 mang tên Nguyễn Tuấn A; 01 Giấy phép lái xe hạng C số 700123003785 mang tên Phan Văn T6; 01 Giấy phép lái xe hạng D số 790183571376 mang tên Trương Văn H2; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 010664, biển số 49K1-472.86 mang tên Nguyễn Văn N2; 01 Giấy đăng ký xe ô tô số 176952, biển số 59U1-158.73 mang tên Lương Nhạc P; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 310187033710 mang tên Trần Hữu B; 01 bằng tốt nghiệp Cao đẳng quản trị kinh doanh mang tên Nguyễn Thị Hồng T7, số

A1470698; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 206133 mang tên Nguyễn Văn T8.

- 9.200.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của bị cáo Phan Minh C. Bị cáo C tự nguyện giao nộp lại số tiền trên cho Cơ quan điều tra xử lý theo quy định.

- 1.000.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phúc D. Bị cáo D tự nguyện giao nộp lại số tiền trên cho Cơ quan điều tra xử lý theo quy định.

*Tại Kết luận giám định số 467/KLGD-TT ngày 11/3/2019 của Phòng K6 - Công an Thành phố H kết luận:

- 10 Giấy phép lái xe, gồm:

+ 01 Giấy phép lái xe hạng A1, B2 số 790153111603 mang tên Trần Văn H cấp ngày 11/6/2015 là giả; 01 Giấy phép lái xe hạng E số 830179007956 mang tên Nguyễn Xuân K2 cấp ngày 20/8/2017 là giả; 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 790175022674 mang tên Ngô Minh T1 cấp ngày 18/01/2017 là giả; 01 Giấy phép lái xe hạng C số 010179126858 mang tên Phạm Văn T5 cấp ngày 26/12/2017 là giả; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 310187033710 mang tên Trần Hữu Bằng cấp ngày 21/6/2018 là giả; 01 Giấy phép lái xe hạng C số 700123003785 mang tên Phan Văn T6 cấp ngày 21/6/2018 là giả; 01 Giấy phép lái xe hạng A2 số 791181054817 mang tên Dương Minh T4 cấp ngày 20/7/2018 là giả;

+ 01 Giấy phép lái xe số 790174369732 mang tên Phan Minh C cấp ngày 01/12/2017 là thật; 01 Giấy phép lái xe hạng D số 790183571376 mang tên Trương Văn H2 cấp ngày 18/11/2018 là giả; 01 Giấy phép lái xe số V378843 mang tên Phan Minh C cấp ngày 13/4/2005 là thật.

- 02 Căn cước công dân. Gồm: 01 Căn cước công dân số 079073018106 mang tên Ngô Minh T1 cấp ngày 09/01/2018 là giả; 01 Căn cước công dân số 001075009082 mang tên Nguyễn Tuấn A cấp ngày 11/4/2018 là giả.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân, số 301199675 mang tên Phan Minh C cấp ngày 01/10/2013 là thật.

- 13 bản photo Căn cước công dân là giả.

- 03 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, ô tô:

+ 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 010664, biển số 49K1-472.86 mang tên Nguyễn Văn N2, địa chỉ: thôn E, Đ, TP ., Lâm Đồng là giả; 01 Giấy đăng ký xe ô tô số 176952, biển số 59U1-158.73 mang tên Lương Nhạc P, địa chỉ: E ấp B, B, B cấp ngày 11/4/2013 là giả.

+ 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 007353, biển số 62N1-33.36 mang tên Trần Thị Hồng L2, địa chỉ: ấp A, A, B, Long An cấp ngày 22/11/2015 là thật (Ký hiệu A28).

- 01 Giấy phép lái xe số 790184214549 mang tên Ngụy Đình N1, cấp ngày 26/11/2018 là giả; 209 Phôi giấy phép lái xe (Dạng thẻ pet) là giả; 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng số hiệu A690142, đề tên Đỗ Tất Đ, cấp ngày 02/10/2013 là giả; 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng số hiệu A1470698, đề tên Nguyễn Thị Hồng T7, cấp ngày 27/10/2014 là giả; 03 Bản sao bản ghi điểm thi, đề tên Đỗ Tất Đ, đề ngày chứng thực 21/12/2018 không đủ cơ sở kết luận là thật hay giả. (Ký hiệu từ A243-A245); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số U206133, đề tên Nguyễn Văn T8, đề ngày 07/11/2002 là giả; 17 Tờ decal in mặt trước Bằng tốt nghiệp đại học là giả; 14 Tờ decal in mặt trước Bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp là giả.

- 01 Bản ghi điểm thi, đề tên Đỗ Tất Đ, đề ngày chứng thực 02/10/2013 không đủ cơ sở kết luận là thật hay giả. (Ký hiệu A242); 03 Bản sao bằng tốt nghiệp cao đẳng, mang tên Đỗ Tất Đ, đề ngày 21/12/2018 không đủ cơ sở kết luận là thật hay giả. (Ký hiệu từ A246-A248); Không đủ cơ sở kết luận dấu tròn nội dung “CÔNG AN HUYỆN BẾN LÚC- CÔNG AN TỈNH LONG AN”, chữ ký đứng tên Thượng tá Nguyễn Văn T9 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A28; chữ ký đứng tên ThS. Lý Thiên B1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A242; hình dấu tròn nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG 7 QUẬN 10 TP. HỒ CHÍ MINH”, chữ ký đứng tên Nguyễn Đức H4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A243 đến A248 là thật hay giả.

- Hình dấu tròn nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO- TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ- CÔNG NGHỆ TP.HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A242 so với hình dấu tròn có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO- TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ- CÔNG NGHỆ TP . HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

*Tại Kết luận giám định số: 579/KLGĐ-TT ngày 27/3/2019 của Phòng K6 - Công an Thành phố H kết luận:

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “U.B.N.D phường B, quận B, TP . ký hiệu A1 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “U.B.N.D phường I, Quận E, TP . ký hiệu A2 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “U.B.N.D phường G, Quận A, TP . ký hiệu A3 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Ủy ban nhân dân quận B, TP .- Bệnh viện quận B ký hiệu A4 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Ủy ban nhân dân Quận A1, TP .- Bệnh viện Q1 ký hiệu A5 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Tòa án nhân dân Quận 6, TP . ký hiệu A6 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Bộ Y - Đại học Y1, TP . ký hiệu A7 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Bộ G2 - Trường đại học H6, TP . ký hiệu A8 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Đại học Q, TP . - Trường đại học T14 ký hiệu A9 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Bộ G2 - Trường đại học K, TP . ký hiệu A10 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Bộ G2- Trường đại học V1 ký hiệu A11 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Bộ G2 - Trường đại học M2, TP . ký hiệu A12 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Bộ G2 - Trường cao đẳng S4, TP . ký hiệu A13 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Bộ C5 - Trường cao đẳng K7 ký hiệu A14 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam - TP .- Sở T16 ký hiệu A15 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

- 01 mặt dấu tròn bằng nhựa có nội dung “Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam - TP . - Sở Tư pháp ký hiệu A16 so với mẫu so sánh không do cùng một con dấu đóng ra.

*Tại Kết luận giám định số: 425/KLGD-TT ngày 13/3/2020 của Phòng K6 - Công an Thành phố H kết luận: 140 mặt con dấu tròn cần giám định ký hiệu từ A1-A140 (đã nêu ở mục II.1) là mặt con dấu giả.

*Tại Kết luận giám định số: 1319/KLGD-TT ngày 12/8/2020 của Phòng K6 - Công an Thành phố H kết luận: 32 mặt con dấu tròn cần giám định ký hiệu từ A1-A32 (đã nêu ở mục II.1) là mặt con dấu giả.

*Tại Kết luận giám định số: 1482/KLGD-TT ngày 20/8/2020 của Phòng K6 - Công an Thành phố H kết luận: 11 mặt con dấu tròn cần giám định ký hiệu từ A1-A11 (đã nêu ở mục I.1) là mặt con dấu giả.

*Tại Kết luận giám định số: 1376/KLGD-TT ngày 10/9/2020 của Phòng K6 - Công an Thành phố H kết luận: 50 mặt con dấu bằng cao su cần giám định ký hiệu từ A1-A50 (đã nêu ở mục II.1) là giả.

*Tại Kết luận giám định số: 3157/KLGD-TT ngày 23/6/2022 của Phòng K6 - Công an Thành phố H kết luận:

1. 40 mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5, A10, A14, A15, A16, từ A18 đến A24, từ A26 đến A36, A39, A42, A43, A45, A50, từ A53 đến A56, A58, A60, A61, A62 (đã nêu ở mục II.1) là giả.

2. Không đủ cơ sở kết luận giám định 22 mẫu cần giám định ký hiệu từ A6 đến A9, A11, A12, A13, A17, A25, A37, A38, A40, A41, A44, từ A46 đến A49, A51, A52, A57, A59 (đã nêu ở mục II.1) là thật hay giả.

3. Không tiến hành giám định 28 mẫu cần giám định ký hiệu từ A63 đến A90 (đã nêu ở mục II.1) do không có khuôn mẫu dấu tương ứng.

***Tại bản Cáo trạng số 34/CT-KV9 ngày 31/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:**

- Truy tố Phan Minh C về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Truy tố Nguyễn Phúc D về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2026/HS-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341 (Đối với bị cáo Phan Minh C); điểm c khoản 2 Điều 341 (Đối với bị cáo Nguyễn Phúc D), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1.1 Xử phạt bị cáo Phan Minh C: 06 (S1) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 12/06/2019 đến ngày 26/07/2019.

1.2 Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc D: 03 (Ba) năm 06 (S1) tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 06/02/2026, bị cáo Phan Minh C có đơn kháng cáo xin được xét xử lại vụ án theo hướng giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/02/2026, bị cáo Nguyễn Phúc D có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

Bị cáo Phan Minh C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì mức án cấp sơ thẩm xử quá nghiêm khắc, ngoài tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính mà cấp sơ thẩm đã xem xét, thì bị cáo còn có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác, nhưng

chưa được cấp sơ thẩm xem xét như bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nên phải được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có thành tích xuất sắc trong thời gian chống dịch Covid, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính con còn nhỏ, bố mẹ già bệnh tật cần được chăm sóc, nuôi dưỡng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Phúc D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do bị cáo có hai con nhỏ đang đi học, bị cáo là lao động chính.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu: Sau khi tóm tắt nội dung bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo của bị cáo, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định Tòa án nhân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử các bị cáo về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, cụ thể xét xử bị cáo Phan Minh C theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xét xử bị cáo Nguyễn Phúc D theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội. Xét kháng cáo của các bị cáo, tại phiên tòa lời khai của các bị cáo thể hiện việc phạm tội nhiều lần, gây mất trật tự, an toàn xã hội và quản lý hành chính của nhà nước. Nên mức án 06 năm tù đối với bị cáo Phan Minh C và 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Phúc D mà cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị cáo Phan Minh C không tranh luận.

Luật sư Trần Tây S trình bày bào chữa cho bị cáo Phan Minh C: Đồng ý với tội danh mà bản án sơ thẩm đã xét xử với bị cáo, tuy nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, chưa phù hợp với mức độ, hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, hoàn cảnh cụ thể của bị cáo, cụ thể như bản Cáo trạng đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, song Bản án sơ thẩm chỉ áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, gây bất lợi cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo có thành tích xuất sắc trong công việc, cũng như giai đoạn phòng chống dịch covid, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân bị cáo là lao động chính khi các con còn nhỏ, cha mẹ già thường xuyên đau yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo có cơ hội sớm trở về gia đình sống và làm việc, phụng dưỡng cha mẹ già, nuôi dạy con nhỏ.

Bị cáo Phan Minh C đồng ý với lời bào chữa của luật sư và không bào chữa bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Phúc D trình bày lời bào chữa đề nghị xem xét hoàn cảnh của bị cáo khi còn phải chăm sóc 02 con nhỏ đang độ tuổi đi học, đề nghị xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát đối đáp*: Luật sư đề nghị việc các bị cáo nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có cơ sở để xem xét. Bị cáo C làm giả số lượng rất lớn, nên mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Qua đối đáp, Kiểm sát viên và luật sư, bị cáo đều giữ nguyên quan điểm đã tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ngày 29/01/2025, Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, đến ngày 06/02/2026, bị cáo Phan Minh C có đơn kháng cáo xin xét xử lại để giảm nhẹ hình phạt; ngày 11/02/2026, bị cáo Nguyễn Phúc D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của các bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Minh C và Nguyễn Phúc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/12/2018, Đ1 - Công an quận T kết hợp với Công an phường T, quận T tiến hành kiểm tra hành chính Nguyễn Phúc D tại trước nhà số A T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện D có hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Quá trình kiểm tra xác định D đã làm giả tổng số 05 con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức gồm: 01 Giấy phép lái xe hạng A1, B2 số 790153111603 mang tên Trần Văn H; 01 Giấy phép lái xe hạng E số 830179007956 mang tên Nguyễn Xuân K; 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 790175022674 mang tên Ngô Minh T1; 01 Căn cước công dân số 079073018106 mang tên Ngô Minh T1 và 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng số hiệu A690142, đề tên Đỗ Tất Đ, cấp ngày 02/10/2013. Qua điều tra, D khai nhận các tài liệu giả trên do D cung cấp các thông tin, dự định cung cấp thông tin để đặt Phan Minh C làm giả nhằm bán lại cho khách hàng kiếm lời, D đã đặt C làm giả giấy tờ từ đầu tháng 12/2018 đến ngày 23/12/2018 tổng cộng 08 lần đặt C làm giả thì bị phát hiện với số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng, tổng số tiền D trả cho C khi đặt làm các giấy tờ giả trên là 3.200.000 đồng.

Tiếp theo vào ngày 24/12/2018, tại trước nhà số A Tỉnh Lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), lực lượng Công an quận T phối hợp với Công an phường T, quận B tiến hành kiểm tra hành chính Phan Minh C phát hiện C có hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Quá trình kiểm tra hành chính phát hiện trong túi áo khoác màu đen bên phải C đang mặc có 01 Giấy phép lái xe hạng A2 số

791181054817 mang tên Dương Minh T4 và 01 Giấy phép lái xe hạng C số 010179126858 mang tên Phạm Văn T5. Tiến hành khám xét nhà ở của C tại căn hộ E chung cư T địa chỉ D N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), thu giữ được đầy đủ các loại máy móc, công cụ phục vụ cho việc làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, đồng thời các vật chứng thu giữ khi kiểm tra hành chính Nguyễn Phúc D cũng như kết quả giám định đã xác định C đã làm giả tổng số 559 con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Quá trình làm giấy tờ giả, C chỉ nhận làm giả Căn cước công dân và Giấy phép lái xe mô tô, ô tô cho khách hàng, C đã tạo ra nick zalo tên “N” rồi quảng cáo trên các mạng xã hội về việc làm giấy tờ giả với giá: 01 Căn cước công dân làm giả là 400.000 đồng, 01 Giấy phép lái xe mô tô hai bánh (Hạng A) làm giả là 200.000 đồng, 01 Giấy phép lái xe ô tô (Hạng B, C, D, E) làm giả là 500.000 đồng, ngoài khách hàng không xác định được danh tính, thì C đã nhận làm giả giấy tờ cho D với số tiền tổng cộng là 3.200.000 đồng và thu lợi bất chính tổng số tiền 9.200.000 đồng.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo Phan Minh C về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xét xử bị cáo Nguyễn Phúc D về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Khi lượng hình thì Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo C và D có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và đã tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Phan Minh C cung cấp chứng cứ thể hiện có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính, con còn nhỏ, bố mẹ già bệnh tật cần được chăm sóc, nuôi dưỡng; bị cáo C được tặng giấy khen trong quá trình chống dịch covid; bị cáo Nguyễn Phúc D là lao động chính, con còn nhỏ đang trong độ tuổi đi học, nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh tình tiết giảm nhẹ mới khác. Riêng số tiền thu lợi bất chính 9.200.000 đồng bị cáo C đã nộp lại và số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng mà bị cáo D đã nộp lại, là số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội, nên có nghĩa vụ phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Do đó, không có căn cứ áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm sau khi cân nhắc đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội của các bị cáo như phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Phan Minh C 06 năm tù và tuyên xử bị cáo Nguyễn Phúc D 03 năm 06 tháng là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Minh C và Nguyễn Phúc D, kể cả các bị cáo Phan Minh C và Nguyễn Phúc D có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phan Minh C và Nguyễn Phúc D và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Phan Minh C và Nguyễn Phúc D về phần hình phạt.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận phần quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu tại phiên tòa về nội dung không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lập luận trên là cơ sở không chấp nhận lời trình bày bào chữa của luật sư về đề nghị áp dụng điểm b, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Phan Minh C, đồng thời cũng không có cơ sở để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cũng như không chấp nhận lời trình bày bào chữa của luật sư về sửa bản án sơ thẩm, để giảm cho bị cáo Phan Minh C một phần hình phạt.

[5] Về án phí: Các bị cáo Phan Minh C và Nguyễn Phúc D đều phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Minh C và Nguyễn Phúc D và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2026/HS-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phan Minh C: 06 (Sáu) năm tù, về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 12/06/2019 đến ngày 26/07/2019.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc D: 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí toà án của Ủy ban thường vụ Q2.

Các bị cáo Phan Minh C và Nguyễn Phúc D mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM | (2) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Khu vực 9; | (1) |
| - TAND Khu vực 9; | (1) |
| - THADS TP.HCM | (1) |
| - Phòng THADS Khu vực 9; | (1) |
| - Bị cáo; | (2) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ (23) | (8) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn